TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phi.

2. Ông Nguyễn Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc S, sinh năm: 1991. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Lâm S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Nguyên R, sinh năm: 1998. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Nguyên R lấy nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc sau do tính tình không hợp và bà Phạm Thị Nguyên R có quan hệ ngoại tình nên vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn. Hiện hai người không sống chung và không quan tâm đến nhau. Nay ông xin ly hôn với bà Phạm Thị Nguyên R.

Về con chung: Vợ chồng có chung 01 người con: Trần Như Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Nếu ly hôn, ông xin nuôi con và không yêu cầu bà R cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa cho ông vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là bà Phạm Thị Nguyên R: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Tòa án đã thông báo, tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Phạm Thị Nguyên R vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn là ông Trần Ngọc S đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đồng thời, cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn là bà Phạm Thị Nguyên R, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà R không chấp hành, vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Ngọc Sáng và bà Phạm Thị Nguyên R đã mâu thuẫn trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của ông S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc S.

- Giao 01 con chung là cháu Trần Như Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2016 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng.

- Không buộc bà R cấp dưỡng nuôi con, do ông S không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Ngọc S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị Nguyên R và giải quyết được nuôi con

chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Nguyên R là bị đơn; trú tại thôn T, xã L, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Ngọc S có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, còn bà R thì đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc S và bà Phạm Thị Nguyên R là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hiện vợ chồng sống ly thân và không ai quan tâm lẫn nhau. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc S.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông S và bà R có chung 01 người con là Trần Như Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2016. Ông S hiện đang trực tiếp chăm sóc và có yêu cầu Tòa án giao con cho ông trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Ông S có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung, đảm bảo được sự phát triển của cháu T vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của ông S. Giao cháu T cho ông S là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà R không phải cấp dưỡng nuôi con do ông S không có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Trần Ngọc S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Luật Hôn nhân và Gia đình, 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Ngọc S. Ông Trần Ngọc S được ly hôn bà Phạm Thị Nguyên R.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Ngọc S là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Như Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2016.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Nguyên R không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Ngọc S không yêu cầu.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí: Ông Trần Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0022428 ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Ông S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Kim